TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 121/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Th, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TLST/HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Công T – Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Th, xã Cẩm Ph, huyện C, Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị Hà Th – Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Th, xã Cẩm Ph, huyện C, Thanh Hóa .

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/7/2020 là hoàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Công T và chị Lê Thị Hà Th .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công T và chị Lê Thị Hà Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung, Phạm Bích Ng, sinh ngày 20/02/2014. Nay ly hôn hai bên thỏa thuận giao cháu Ng cho chị Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

1.000.000đ/ tháng, cho đến khi cháu Ng đến tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Kể từ ngày chị Th có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không thi hành, thì anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi xuất chậm trả tương ứng với số tiền không thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản và công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147- BLTTDS năm 2015; Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a, Khoản 5, Điểm b, khoản 6 Điều 27.Nghị quyết 326/UBTVQHK 14, ngày 30/12/2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án; anh T và chị Th mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí DSST, Anh T còn phải chịu 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T nhận nộp cả phần án phí cho chị Th, anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003324, ngày 03/7/2020.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh thanh Hóa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Cẩm Ph;
- Lưu hồ sơ;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ
Thẩm phán

Đã ký

Vũ Văn Nga